

Bản án số: **07/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 02-02-2018

V/v tranh chấp: *Xin ly hôn, nuôi
con chung.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Tiến Trường**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Ngọc Quý**
2. Ông **Nguyễn Hữu Trọng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ - Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mai** - Kiểm sát viên.

Ngày **02** tháng **02** năm **2018**, tại phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 364/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “*Xin ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19/01/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Đặng Thị V**, sinh năm 1983.

Cư trú tại: Số nhà A, thị trấn M, huyện M, tỉnh H. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Tổng Vũ N**, sinh năm 1977.

Cư trú tại: Số nhà B, khu X, thị trấn X, huyện C, thành phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai của Nguyên đơn - Chị Đặng Thị V trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị kết hôn với anh Tống Vũ N trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29 tháng 01 năm 2003 tại UBND thị trấn M, huyện M, tỉnh H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thị trấn X một thời gian thì chuyển lên thị trấn M sinh sống và làm ăn. Trong quá trình chung sống đến khoảng năm 2016 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và anh N chuyển về ở nhà bố mẹ đẻ ở thị trấn X, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân là do anh N thường xuyên rượu chè, đánh đập vợ con, còn đốt phá nhà cửa ảnh hưởng đến sinh hoạt và tâm lý của vợ con. Nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị V được ly hôn với anh N.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là cháu Tống Vũ T, sinh ngày 16 tháng 04 năm 2004 và cháu Tống Vũ K, sinh ngày 14 tháng 03 năm 2006. Từ khi ly thân cháu T và cháu K ở với chị V, anh N không thăm nom hay cấp dưỡng cho con.

Ly hôn chị V có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu T, cháu K và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, công nợ chung:* Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn – anh Tống Vũ N trình bày:

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 04 tháng 12 năm 2017, anh N xác nhận về việc anh và chị V kết hôn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2003 tại UBND thị trấn M, huyện M, tỉnh H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thị trấn X, huyện C một thời gian thì lên thị trấn M, tỉnh H làm ăn và sinh sống. Cách đây khoảng 1 năm, anh N về nhà bố mẹ đẻ sinh sống là ở khu X, thị trấn X. Hai vợ chồng ly thân từ đó đến nay, coi như bỏ nhau. Nay chị V

nộp đơn xin ly hôn, anh N có ý kiến: “*Tòa án muốn xử thế nào cũng được. Tôi không có ý kiến gì*”.

- *Về con chung*: Anh N thừa nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Tổng Vũ T, sinh ngày 16 tháng 04 năm 2004 và cháu Tổng Vũ Trung K, sinh ngày 14 tháng 03 năm 2006. Hiện hai cháu T và cháu K đang ở với mẹ tại thị trấn M, tỉnh H. Nay nếu phải ly hôn, anh N đồng ý cho con ở với mẹ, anh không có ý kiến gì.

- *Về tài sản chung*: Anh N không có ý kiến gì.

3. Ý kiến đương sự tại phiên tòa:

- Chị Đặng Thị V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với anh Tổng Vũ N. Sau ly hôn, chị V xin được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung là cháu Tổng Vũ T, sinh ngày 16 tháng 04 năm 2004 và cháu Tổng Vũ Trung K, sinh ngày 14 tháng 03 năm 2006; Chị V không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung và công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh N vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Viện tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị V đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn là anh N không chấp hành quyền, nghĩa vụ của Bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Căn cứ vào ý kiến, quan điểm của Nguyên đơn, Bị đơn và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của Nguyên đơn, xử cho chị V được ly hôn anh N; Về con chung: Giao cháu Tổng Vũ T, sinh ngày 16 tháng 04 năm 2004 và cháu Tổng

Vũ Trung K, sinh ngày 14 tháng 03 năm 2006 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng;
Về tài sản chung do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình theo đơn khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của chị V là đúng thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Tống Vũ N đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh N.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị V và anh Tống Vũ N trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29 tháng 01 năm 2003 tại UBND thị trấn M, huyện M, tỉnh H là hợp pháp. Kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của chị V và anh N thể hiện: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đã ly thân từ tháng cuối năm 2016 đến nay. Trước yêu cầu của chị V xin ly hôn, anh N xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn, từ khi ly thân cũng coi như bỏ nhau rồi nên anh không có ý kiến gì.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh N là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị V được ly hôn anh N là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung:* Chị V, anh N có 02 con chung là cháu Tống Vũ T, sinh ngày 16 tháng 04 năm 2004 và cháu Tống Vũ Trung K, sinh ngày 14

tháng 03 năm 2006. Hiện cháu T và cháu K đang ở với chị V, chị V có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi hai cháu. Xét nguyện vọng của cháu T, cháu K đều muốn ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn, và từ khi ly thân anh N cũng không quan tâm thăm nom đến con. Anh N không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn. Vì vậy, giao cháu Tổng Vũ T và cháu Tổng Vũ Trung K cho chị Đặng Thị V tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có Quyết định khác của Tòa án.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị V tự nguyện không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi các bên có yêu cầu.

[5] *Về tài sản chung*: Chị V, anh N không có tài sản chung nên không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Chương Mỹ tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Đặng Thị V được ly hôn anh Tổng Vũ N.

2. Về con chung: Giao cháu Tổng Vũ T, sinh ngày 16 tháng 04 năm 2004 và cháu Tổng Vũ Trung K, sinh ngày 14 tháng 03 năm 2006 cho chị Đặng Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có Quyết định khác của Tòa án. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N đến khi các bên có yêu cầu.

Anh Tổng Vũ N có quyền được đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị Đặng Thị V đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí “*theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0003115 ngày 14/11/2017*” tại Chi cục Thi hành án huyện C, thành phố H.

Án xử công khai sơ thẩm; Chị Đặng Thị V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Tổng Vũ N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ,
- CC.THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND thị trấn M, huyện M, tỉnh H (Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu HSVA/VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Nguyễn Tiến Trường

